

Số: 97 /KH-UBND

Đồng Nai, ngày 13 tháng 02 năm 2026

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Đề án Phát triển bền vững ngành hàng sản đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Căn cứ Quyết định số 1748/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển trồng trọt đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1115/QĐ-BNN-TT ngày 17 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt Đề án “Phát triển bền vững ngành hàng sản đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050”;

Căn cứ Quyết định số 2052/QĐ-BNN-TT ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Kế hoạch triển khai Đề án “Phát triển bền vững ngành hàng sản đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050”;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 487/TTr-SoNNMT ngày 24 tháng 11 năm 2025 (File điện tử kèm theo), Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án phát triển bền vững ngành hàng sản đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

a) Phát triển ngành hàng sản phù hợp với Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Chiến lược phát triển trồng trọt đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, quy hoạch tỉnh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Trên cơ sở phát huy tiềm năng, lợi thế các vùng sinh thái; nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng, khả năng cạnh tranh của sản phẩm; bảo vệ môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu.

b) Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ trong quá trình sản xuất, chế biến sản, ưu tiên công tác giống và kỹ thuật canh tác; thúc đẩy chế biến sâu, đa dạng hoá sản phẩm đáp ứng yêu cầu của thị trường; phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, liên kết chặt chẽ trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trên cơ sở lấy doanh nghiệp làm trung tâm; khuyến khích, huy động nguồn lực từ các thành phần kinh tế đầu tư sản xuất, chế biến và xuất khẩu sản phẩm sản. Nâng cao hiệu quả triển khai thực hiện các cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

2. Mục tiêu chung

a) Phát triển ngành hàng sản ổn định, hiệu quả, bền vững; xây dựng liên kết chặt chẽ giữa sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nhằm tạo ra giá trị kinh tế cao, nâng cao chất lượng, giá trị và hiệu quả trong sản xuất nông nghiệp; tạo

việc làm, cải thiện thu nhập cho người dân và góp phần phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh giai đoạn từ nay đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

b) Thay đổi tư duy sản xuất nông nghiệp nhỏ lẻ sang sản xuất hàng hóa tập trung trên cơ sở khai thác tiềm năng, lợi thế về đất đai, khí hậu, gắn với nhu cầu của thị trường; nâng cao trình độ ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật của người dân và năng lực quản lý, điều hành, tổ chức sản xuất cho các doanh nghiệp, hợp tác xã liên kết; nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống nhân dân, góp phần hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn mới và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

3. Mục tiêu cụ thể

a) Đến năm 2030

- Sản lượng sản tươi đạt trên 300.000 tấn; trong đó dùng để chế biến sâu một số sản phẩm (tinh bột, etanol, mì chính, thực phẩm, thức ăn chăn nuôi...) chiếm khoảng 85%.

- Diện tích trồng sản sử dụng giống có tiêu chuẩn chất lượng (*HL-S12, HL-S14, HN1, HN3, HN5, HN36, HN97,...*) đạt 40-50%.

- Diện tích trồng sản áp dụng quy trình canh tác bền vững đạt 50%.

b) Tầm nhìn đến năm 2050

- Sản lượng sản tươi dùng để chế biến sâu một số sản phẩm (tinh bột, etanol, mì chính, thực phẩm, thức ăn chăn nuôi...) chiếm trên 90%.

- Diện tích trồng sản sử dụng các giống đúng tiêu chuẩn đạt 60 - 70%.

- Diện tích trồng sản áp dụng quy trình canh tác bền vững đạt 70 - 80%.

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

1. Định hướng phát triển sản xuất sản

Đến năm 2030, giảm diện tích trồng sản xuống còn 10.000 ha, đầu tư chăm sóc để nâng cao năng suất đạt 30 tấn/ha, sản lượng đạt 300.000 tấn. Tăng cường diện tích trồng xen trong diện tích tái canh cây trồng phù hợp. Phát triển các vùng sản xuất trồng sản tại các địa phương gắn với liên kết cung ứng nguồn nguyên liệu cho các cơ sở, nhà máy chế biến trong và ngoài tỉnh.

2. Định hướng phát triển chế biến sản

a) Đến năm 2030, tiếp tục khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư xây dựng mới hoặc nâng cấp nhà máy chế biến các sản phẩm từ sản. Đồng thời, khuyến khích phát triển các doanh nghiệp chế biến bánh kẹo, nha đường gluco, mì ăn liền, thức ăn chăn nuôi sử dụng sản và tinh bột sản làm nguyên liệu, ưu tiên sử dụng công nghệ mới, công nghệ tiên tiến trong chế biến sản để nâng cao chất lượng, sử dụng tối đa sản phẩm phụ, bảo vệ môi trường.

b) Đối với lĩnh vực chế biến sản, định hướng công suất chế biến trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2030: tổng công suất chế biến đạt trên 250.000 tấn củ tươi/năm.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tuyên truyền, đào tạo tập huấn

a) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của người dân và trách nhiệm cho các cấp, các ngành về hướng dẫn sản xuất và phòng chống sinh vật gây hại theo quy trình sản xuất, đặc biệt là quy trình kỹ thuật quản lý tổng hợp bệnh khảm lá sắn; các quy định, tiêu chuẩn trong sản xuất và chế biến; về liên kết sản xuất; các chính sách khuyến khích, hỗ trợ sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

b) Xây dựng các mô hình phát triển ngành hàng sắn ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất; mô hình thâm canh bền vững; áp dụng quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM); các mô hình liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm; sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật an toàn và hiệu quả; thu gom và xử lý phụ phẩm nông nghiệp theo hướng thân thiện, bảo vệ môi trường, hạn chế phát thải khí nhà kính ... nhằm chuyển giao và nhân rộng kỹ thuật tiến bộ cho người sản xuất cây sắn; giảm chi phí sản xuất, tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả, giảm ô nhiễm môi trường và bảo vệ sức khỏe của người sản xuất và người tiêu dùng.

2. Về tổ chức sản xuất

a) Căn cứ Kế hoạch được ban hành, các địa phương xác định quy mô vùng sản xuất sắn phù hợp quy hoạch tỉnh, quy hoạch của địa phương.

b) Phát triển các sản phẩm từ sắn phải gắn với thị trường tiêu thụ, đảm bảo nâng cao tính cạnh tranh và giá trị gia tăng. Đa dạng hóa các sản phẩm, sử dụng tối đa các sản phẩm phụ trong quá trình chế biến sắn nhằm tạo ra giá trị kinh tế cao, góp phần giải quyết việc làm, nâng cao đời sống dân cư khu vực nông thôn và bảo vệ môi trường.

c) Thực hiện đồng bộ giải pháp hỗ trợ thu hút doanh nghiệp đầu tư, thúc đẩy hình thành chuỗi liên kết; hỗ trợ kết nối các doanh nghiệp chế biến với tổ chức, cá nhân trồng sắn xây dựng vùng nguyên liệu; cung ứng vật tư đầu vào (giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật...); chuyển giao khoa học công nghệ, hướng dẫn kỹ thuật và tiêu thụ sản phẩm.

3. Về khoa học công nghệ

a) Sử dụng các giống sắn mới có năng suất, hàm lượng tinh bột cao, chống chịu với sinh vật gây hại. Nhân rộng và hoàn thiện hệ thống nhân giống sắn sạch bệnh, đạt tiêu chuẩn chất lượng.

b) Áp dụng quy trình kỹ thuật sản xuất sắn theo hướng bền vững; đẩy mạnh ứng dụng cơ giới hoá các khâu trồng, chăm sóc, thu hoạch, bảo quản, vận chuyển sắn.

c) Áp dụng công nghệ mới trong chế biến, đa dạng hóa các sản phẩm từ sắn. Đồng thời, thực hiện đồng bộ các giải pháp khoa học công nghệ trong chế biến các sản phẩm từ sắn để nâng cao chất lượng sản phẩm, hiệu quả kinh tế, bảo vệ môi trường.

4. Về thị trường tiêu thụ sản phẩm

a) Hỗ trợ các doanh nghiệp chế biến sắn trên địa bàn tỉnh tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại trong và ngoài nước; nhằm quảng bá và xây dựng

thương hiệu các sản phẩm chế biến từ sắn, từ đó góp phần mở rộng thị trường tiêu thụ.

b) Khuyến khích phát triển các doanh nghiệp chế biến các sản phẩm từ sắn; các địa phương tiếp tục thu hút doanh nghiệp chế biến bánh kẹo, nha đường gluco, mỳ ăn liền, thức ăn chăn nuôi sử dụng sắn và tinh bột sắn làm nguyên liệu để tăng chuỗi giá trị ngành hàng sắn.

5. Về quản lý nhà nước

a) Tổ chức thực hiện có hiệu quả các chính sách liên quan đến phát triển ngành hàng sắn: Chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp; chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp; chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; chính sách hỗ trợ phát triển Hợp tác xã... Đồng thời, nghiên cứu đề xuất sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách đặc thù của tỉnh đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật để hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp, người dân đẩy mạnh việc áp dụng quy trình sản xuất sắn bền vững, chuyển đổi số, xây dựng mã số vùng trồng, truy xuất nguồn gốc, xử lý môi trường trong chế biến sắn.

b) Tăng cường công tác quản lý đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh vật tư đầu vào phục vụ sản xuất (giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, ...) để người trồng sắn được sử dụng vật tư bảo đảm chất lượng. Quản lý chặt chẽ các yếu tố gây ô nhiễm trong quá trình trồng, chế biến sắn.

6. Về đầu tư tăng cường năng lực

Thực hiện các giải pháp đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư phát triển sản xuất ngành hàng sắn theo hướng xã hội hóa. Các hộ gia đình đầu tư trang thiết bị, ứng dụng cơ giới hoá trong quá trình canh tác, vận chuyển sắn; doanh nghiệp đầu tư xây dựng vùng nguyên liệu, chuyển giao khoa học công nghệ, xây dựng nhà máy chế biến các sản phẩm từ sắn,... Ngân sách nhà nước đầu tư, hỗ trợ đầu tư phát triển sản xuất sắn theo quy định của pháp luật để thực hiện các nhiệm vụ: xây dựng cơ chế, chính sách; nghiên cứu, chuyển giao khoa học công nghệ; đào tạo nguồn nhân lực; cơ sở vật chất cho các đơn vị đào tạo và nghiên cứu khoa học công nghệ; hạ tầng vùng sản xuất sắn: giao thông, thủy lợi, điện,...; xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm sắn,...

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương và các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch đạt hiệu quả; đề xuất xây dựng cơ chế, chính sách, các đề tài, dự án khoa học liên quan đến phát triển ngành hàng sắn.

b) Chủ trì, hướng dẫn các địa phương thực hiện tốt các biện pháp phòng, chống sinh vật gây hại trên cây sắn; triển khai thực hiện chương trình áp dụng quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp; chỉ đạo, thực hiện tốt công tác kiểm dịch thực vật đối với giống sắn nhập nội và kiểm dịch thực vật nội địa.

c) Thực hiện kiểm tra các cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư đầu vào phục vụ sản xuất (giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật...).

d) Tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 15/12 hàng năm hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

2. Sở Công Thương

a) Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, chủ trì triển khai công tác quản lý nhà nước đối với các cơ sở sơ chế, chế biến các sản phẩm chế biến từ sản (còn, tinh bột sắn, sản phẩm từ tinh bột sắn,...).

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các sở, ngành và địa phương liên quan triển khai thực hiện các chương trình khuyến công, xúc tiến thương mại, thương mại điện tử, quảng bá, tiêu thụ sản phẩm sắn và sản phẩm chế biến từ sắn của tỉnh trên thị trường trong nước và ngoài nước.

3. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Tham mưu UBND tỉnh đặt hàng và tổ chức tuyển chọn các đề tài/nhiệm vụ khoa học và công nghệ nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ, các chương trình phát triển giống sắn chống chịu tốt với sinh vật gây hại, năng suất cao, hàm lượng tinh bột cao.

b) Đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao khoa học công nghệ, đổi mới công nghệ sau thu hoạch để nâng cao chất lượng ngành hàng sắn.

4. Sở Tài chính

Trên cơ sở đề xuất của Sở Nông nghiệp và Môi trường, các Sở, ban, ngành và địa phương, Sở Tài chính có trách nhiệm tổng hợp, tham mưu trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định bố trí kinh phí theo phân cấp ngân sách và khả năng cân đối ngân sách để tổ chức thực hiện Kế hoạch.

5. Hội nông dân tỉnh, Liên minh Hợp tác xã tỉnh

a) Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến rộng rãi đến hội viên, đoàn viên và Nhân dân về nội dung của Kế hoạch; đồng thời vận động, khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia các hình thức hợp tác, liên kết sản xuất, tiêu thụ sắn theo chuỗi giá trị bền vững.

b) Tham gia đề xuất, kiến nghị các cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư vào phát triển vùng nguyên liệu, cải tiến quy trình sản xuất và chế biến sản phẩm sắn theo hướng hiện đại, bền vững.

6. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội

Tăng cường vai trò giám sát, phản biện xã hội đối với quá trình thực hiện Kế hoạch, đặc biệt là các vấn đề liên quan đến bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất và chế biến sắn tại các cơ sở, nhà máy.

7. Ủy ban nhân dân các xã, phường

a) Triển khai nội dung Kế hoạch đến các công ty, doanh nghiệp chế biến sắn trên địa bàn quản lý; bố trí cán bộ lãnh đạo làm đầu mối triển khai Kế hoạch.

b) Hằng năm tổ chức lập dự toán và phân bổ kinh phí kết hợp lồng ghép các nguồn vốn ngân sách bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và các quy định của pháp luật hiện hành để thực hiện có hiệu quả Kế hoạch.

c) Tăng cường phối hợp với các cơ quan chuyên môn của Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức tuyên truyền, tập huấn chuyên giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, quy trình kỹ thuật quản lý tổng hợp bệnh khám lá sắn, quy trình kỹ thuật quản lý sinh vật gây hại đối với cây sắn, áp dụng các biện pháp quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp.

d) Định kỳ hằng năm tổng kết, đánh giá tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch trên địa bàn; báo cáo gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường để theo dõi, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

8. Các công ty, doanh nghiệp chế biến sắn trên địa bàn tỉnh

a) Chủ động đầu tư, cải tiến, nâng cấp trang thiết bị, đổi mới quy trình công nghệ chế biến để nâng cao chất lượng sản phẩm.

b) Mở rộng sản xuất theo hướng chế biến sâu, đa dạng sản phẩm; thực hiện liên kết với người dân trồng sắn để hình thành vùng nguyên liệu cho nhà máy chế biến.

c) Thực hiện nghiêm túc các quy định của Việt Nam, thị trường nhập khẩu; hướng dẫn của cơ quan quản lý về môi trường; chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng môi trường trong quá trình chế biến.

9. Chế độ báo cáo

a) Định kỳ hàng năm, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường báo cáo kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch này về Sở Nông nghiệp và Môi trường **trước ngày 10/12**.

b) Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo kết quả thực hiện, khó khăn vướng mắc gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường **trước ngày 30/12** hàng năm.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, các sở, ngành, địa phương có văn bản gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các Đoàn thể chính trị, xã hội tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- Báo và phát thanh, truyền hình Đồng Nai;
- UBND các xã, phường;
- Chánh, các PCVP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN.

(Khoa/Khdeansan/10.02-52)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Hoàng